TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 /8/2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Tào Ngọc Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Tấn Phước
2. Ông Nguyễn Văn Miên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2020 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX- ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị R, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp CP, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp CP, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/05/2020 nguyên đơn là bà Trần Thị R trình bày:* Bà R với ông Nguyễn Quang K xây dựng hôn nhân vào năm 1986, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 04/12/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 03 người con chung tên: Nguyễn Quang C, sinh năm 1987; Nguyễn Phục Ngh, sinh năm 1995; đã trưởng thành Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1990 (đã chết); về tài sản chung, nợ chung không có. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà với ông K là do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng bà không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mỗi người tự xây dựng cuộc sống riêng. Nay bà R yêu cầu ly hôn với ông K. Ngoài ra, bà không còn ý kiến gì khác.

Riêng ông Nguyễn Quang K không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời bản thân ông K cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của bà R theo quy định của pháp luật. Mặc dù ông K đã được Toà án giao thông báo thụ lý, giải thích quyền và nghĩa vụ của ông khi nhận văn bản của Toà án. Nhưng sau khi nhận thông báo thụ lý ông K không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà R. Ngoài ra, Toà án cũng đã giao thông báo về phiên hoà giải và đã được tống đạt hợp nhưng ông K không đến dự phiên hoà giải nên Toà án không tiến hành hòa giải được, Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị R đối với ông Nguyễn Quang K. Về án phí hôn nhân và gia đình bà R phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là bà Trần Thị R và bị đơn là ông Nguyễn Quang K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị R vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bà R có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Quang K được Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị R và ông Nguyễn Quang K xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông K là hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà R và ông K, quá trình giải quyết vụ án thấy rằng cuộc sống vợ chồng bà R thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện pháp để khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng; bà R và ông Kh không còn tình cảm yêu thương với nhau thể hiện qua việc bà R và ông K đã sống ly thân 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng bà không liên lạc với nhau để hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà R và ông K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị R.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị R và ông Nguyễn Quang K sống chung có 03 người con: Nguyễn Quang C, sinh năm 1987; Nguyễn Phục N, sinh năm 1995 đã trưởng thành; Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1990 (đã chết) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị R xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị R đối với ông Nguyễn Quang K.

2. Về án phí: Bà Trần Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà R đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006134 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, bà R, ông K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tào Ngọc Phượng

*** Nơi nhận:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- UBND xã Vĩnh Mỹ A;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;